



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TIÊU CHUẨN NHÀ NƯỚC

BÌNH LỘC KHÔNG KHÍ

TCVN 2381 — 78 ÷ TCVN 2382 — 78

HÀ NỘI — 1980

Cơ quan biên soạn :

Phân viện Động lực
Nhà máy Cơ khí Trần Hưng Đạo

Cơ quan đề nghị ban hành :

Bộ Cơ khí và Luyện kim

Cơ quan trình duyệt :

Cục Tiêu chuẩn
Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước

Cơ quan xét duyệt và ban hành :

Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước

Quyết định ban hành số 508 KHKT/QĐ ngày 01 tháng 12 năm 1978

**BÌNH LỌC KHÔNG KHÍ ĐỘNG CƠ ĐIÊZEN
TĨNH TẠI, TÀU THỦY VÀ ĐẦU MÁY**
Yêu cầu kỹ thuật

Воздухоочистители
стационарных, судовых
и тепловозных дизелей
технические требования

Air filters for stationary
marine and locomoti-
ves diesels Technical
requirements

TCVN
2381 - 78

Có hiệu lực
từ 01-01-1980

Tiêu chuẩn này áp dụng cho bình lọc không khí động cơ điêzen tĩnh tại, tàu thủy, đầu máy và động cơ điêzen dùng cho các tổ máy lưu động.

1. YÊU CẦU KỸ THUẬT

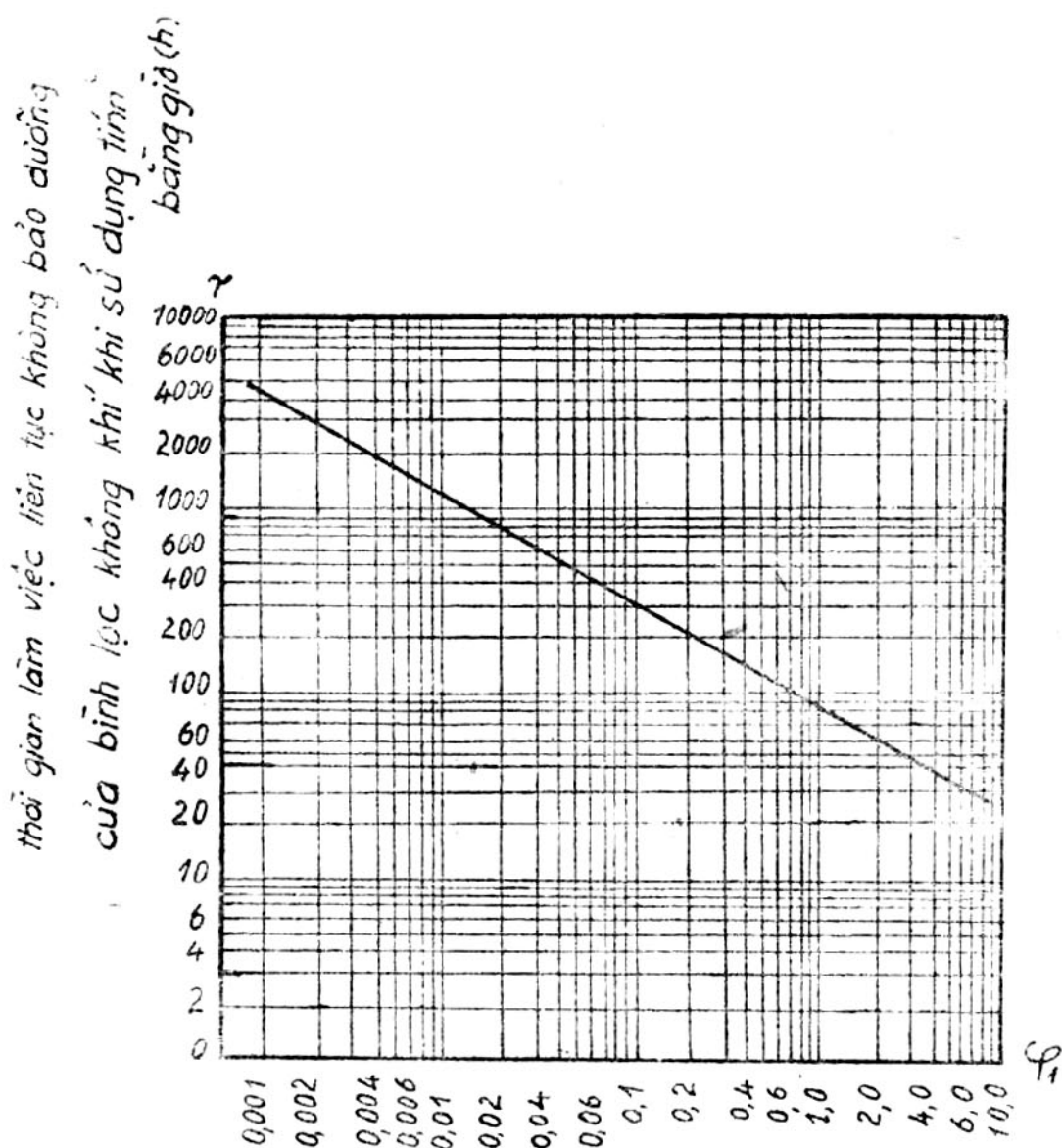
1.1. Bình lọc không khí phải chế tạo theo đúng yêu cầu của tiêu chuẩn này và theo các tài liệu kỹ thuật đã được xét duyệt theo thủ tục quy định.

1.2. Hệ số lọt bụi ϵ phải phù hợp với các trị số quy định trong bảng.

Lượng tiêu hao không khí tính bằng phần trăm lượng tiêu hao danh nghĩa	Hệ số lọt bụi ϵ tính bằng phần trăm, không lớn hơn
100	1,5
75	2,0
50	3,0
Nhỏ hơn 50	4,0

1.3. Lực cản của bình lọc không khí ở chế độ làm việc danh nghĩa trong quá trình sử dụng cho tới khi làm sạch và rửa (theo điều 1.4) được đo trực tiếp sau bình lọc, không được lớn hơn 300 mm cột nước ở áp suất 760 mm cột thủy ngân và ở nhiệt độ 20°C. Đối với bình lọc không khí kiểu lọc xoáy, cho phép lực cản không lớn hơn 500 mm cột nước.

1.4. Thời gian làm việc liên tục không bảo dưỡng của bình lọc không khí khi sử dụng, không được nhỏ hơn thời gian quy định trong bản vẽ chế tạo.



Giá trị độ bền trung bình của không khí
bên ngoài tính bằng gam trên mét khối (γ)

1.5. Trị số độ bền trung bình và lớn nhất của không khí vào bình lọc phải nêu trong điều kiện kỹ thuật.

1.6. Tỷ trọng của bình lọc không khí (khối lượng khô của bình lọc không khí trên lượng tiêu hao không khí danh nghĩa đi qua bình lọc) không được lớn hơn 100 kg/m^3 .

1.7. Bình lọc không khí đặt trên động cơ diesel tàu thủy và diesel của các tổ máy lưu động, phải đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn này ở độ dốc 30°C .

1.8. Bình lọc không khí phải đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn này ở các điều kiện sau :

1.8.1. Nhiệt độ không khí xung quanh thay đổi từ 0°C đến 55°C ;

1.8.2. Độ ẩm tương đối của không khí đến 95% ở 35°C ;

1.8.3. Độ cao đến 2.000 m trên mặt biển.

1.9. Bình lọc không khí phải chịu được gia động với tần số tới 5 HZ và gia tốc tới 7 lần gia tốc trọng trường.

1.10. Bình lọc không khí phải chịu được tác động của độ rung với tần số 200 HZ và gia tốc tới 4 lần gia tốc trọng trường.

1.11. Bình lọc không khí phải chịu được điều kiện tác động tức thời riêng biệt của tải trọng động tương đương với tải trọng tĩnh với gia tốc trong phương thẳng đứng và phương nằm ngang tới 20 lần gia tốc trọng trường.

2. QUY TẮC NGHIỆM THU

2.1. Bình lọc không khí phải được bộ phận kiểm tra kỹ thuật của cơ sở sản xuất thu nhận.

2.2. Khách hàng có quyền tiến hành kiểm tra chất lượng bình lọc không khí được cung cấp theo các chỉ tiêu quy định trong tiêu chuẩn này. Mỗi lần thử không lấy quá 1% nhưng không ít hơn 5 chiếc trong một lô bình lọc. Số lượng một lô do nơi đặt hàng và cơ sở sản xuất thỏa thuận quy định.

Nếu kết quả thử không đạt yêu cầu mặc dù chỉ một chỉ tiêu không đạt, phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng gấp đôi cũng lấy từ lô bình lọc đó. Kết quả thử lần thứ 2 là kết quả thử cuối cùng.

3. PHƯƠNG PHÁP THỬ

Việc thử bình lọc không khí theo quy định của cơ sở sản xuất và phải tương ứng với các yêu cầu của tiêu chuẩn này.

4. GHI NHÃN, BAO GÓI, VẬN CHUYỂN VÀ BẢO QUẢN

4.1. Trên mỗi bình lọc không khí phải ghi các điểm sau:

Dấu hiệu hàng hóa của cơ sở sản xuất;

Ký hiệu của bình lọc không khí;

Số thứ tự theo hệ thống danh số của cơ sở sản xuất;

Bảng hướng dẫn cách bảo dưỡng bình lọc;

Ký hiệu và số hiệu của tiêu chuẩn này.

Những bình lọc không khí dùng cho các động cơ điêzen sản xuất riêng được phép không ghi dấu hiệu hàng hóa.

4.2. Vị trí, kích thước và phương pháp ghi nhãn phải quy định trong điều kiện kỹ thuật.

4.3. Nhãn phải được đặt ở vị trí dễ thấy, dễ làm và phải tồn tại suốt quá trình sử dụng bình lọc không khí.

4.4. Trước khi bao gói, bình lọc phải được bôi một lớp mỡ chống gỉ. Việc bôi mỡ chống gỉ và bao gói bình lọc không khí phải đảm bảo thời gian không gỉ ít nhất 12 tháng kể từ khi giao hàng.

4.5. Bao gói bình lọc phải đảm bảo được chất lượng của bình lọc trong quá trình vận chuyển và bảo quản. Khối lượng mỗi hòm kể cả bì không quá 50 kg.

4.6. Trong mỗi hòm phải có:

Phiếu bao gói;

Bản thuyết minh cách sử dụng, lắp đặt, cách bao gói và mở bao gói bình lọc không khí;

Dấu hiệu hàng hóa hay tên cơ sở sản xuất;

Ký hiệu bình lọc không khí;

Ký hiệu và số hiệu của tiêu chuẩn này.

4.7. Bên ngoài hòm phải ghi bằng sơn bền màu những nội dung sau đây:

Dấu hiệu hàng hóa hay tên cơ sở sản xuất;

Ký hiệu bình lọc không khí;

Ngày, tháng, năm xuất xưởng;

Ký hiệu và số hiệu của tiêu chuẩn này;

Hàng chữ « cần thận, không ném ».

4.8. Bình lọc phải được vận chuyển sao cho không gây hư hỏng.

4.9. Bình lọc phải được bảo quản ở nơi khô ráo và kín. Không được để gần nơi có hóa chất ăn mòn.

5. BẢO HÀNH CỦA NHÀ MÁY CHẾ TẠO

5.1. Thời gian bảo hành của bình lọc không khí không được thấp hơn thời hạn bảo hành của động cơ, với điều kiện khách hàng phải thực hiện đúng yêu cầu về sử dụng bình lọc không khí của nhà máy chế tạo.

5.2. Tuổi thọ của bình lọc không khí không được thấp hơn tuổi thọ của động cơ.
